

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 65

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và cho tới thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
<u>Hội đồng quản trị</u>		
Ông Lê Vinh Hiển	Chủ tịch	29/4/2017
Ông Trần Hoàng Huân	Thành viên	29/4/2017
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	29/4/2017
Ông Vũ Huy Giáp	Thành viên	29/4/2017
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên	29/4/2017

Ban kiểm soát

Ông Trương Bích Huyền	Trưởng ban	29/4/2017
Ông Phan Trọng Liêm	Thành viên	29/4/2017
Bà Phạm Thị Xuân Lan	Thành viên	29/4/2017

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Hoàng Huân	Tổng Giám đốc	29/4/2017
Ông Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	01/02/2014
Ông Vũ Huy Giáp	Phó Tổng Giám đốc	01/02/2014
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	01/8/2014

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Trần Hoàng Huân, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính riêng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính riêng, các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



TRẦN HOÀNG HUÂN - Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 27 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang, được lập ngày 27 tháng 3 năm 2019, từ trang 6 đến trang 65 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VÕ THÈ HOÀNG - Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2018-037-1

NGUYỄN CAO HOÀI THU - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0474-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B01-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		321.807.458.160	315.679.322.113
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	37.798.452.305	93.580.035.383
1. Tiền	111		8.652.482.151	24.752.639.397
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.145.970.154	68.827.395.986
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		19.576.447.726	36.462.563.187
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	19.576.447.726	36.462.563.187
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		140.468.267.409	114.541.495.959
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	75.463.016.754	81.065.836.949
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	16.373.272.278	5.686.171.900
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	V.5	2.125.217.631	3.052.783.288
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.6a	18.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.7a	33.835.798.574	31.278.779.633
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.8	(5.329.037.828)	(6.542.075.811)
IV. Hàng tồn kho	140	V.9	115.654.355.054	70.601.124.559
1. Hàng tồn kho	141		116.021.795.636	70.968.565.141
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(367.440.582)	(367.440.582)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.309.935.666	494.103.025
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	26.812.181	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.283.123.485	494.103.025
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		359.293.141.802	320.043.998.539
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		110.704.068.857	113.101.591.034
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.6b	-	16.918.431.393
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.7b	110.704.068.857	96.183.159.641
II. Tài sản cố định	220		64.502.722.582	29.303.624.217
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	53.240.338.263	29.186.869.617
Nguyên giá	222		63.383.880.973	38.888.770.589
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.143.542.710)	(9.701.900.972)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	11.262.384.319	116.754.600
Nguyên giá	228		11.600.717.056	350.263.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(338.332.737)	(233.509.200)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.13	20.502.628.561	1.536.418.520
Nguyên giá	231		21.061.088.965	1.580.316.192
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(558.460.404)	(43.897.672)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		28.254.228.509	35.502.057.972
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	28.254.228.509	35.502.057.972
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		134.300.216.573	135.066.279.493
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	127.024.247.386	114.019.345.695
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	260.000.000	260.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	-	(1.853.621.202)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	7.015.969.187	22.640.555.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.029.276.720	5.534.027.303
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	469.367.436	1.249.344.525
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	559.909.284	4.284.682.778
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		681.100.599.962	635.723.320.652

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		328.328.835.698	308.621.917.672
I. Nợ ngắn hạn	310		287.232.581.618	266.360.154.672
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	90.390.618.872	70.538.121.614
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	56.461.060.637	37.307.402.323
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	9.016.515.067	4.635.861.755
4. Phải trả người lao động	314		7.236.389.518	12.108.937.776
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	27.470.618.055	46.559.459.017
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	1.859.545.455	24.021.714.199
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a	2.245.538.034	12.604.508.210
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	72.464.868.000	49.758.818.678
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.23	2.587.884.443	3.487.231.814
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	17.499.543.537	5.338.099.286
II. Nợ dài hạn	330		41.096.254.080	42.261.763.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b	577.740.000	225.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b	40.518.514.080	42.036.763.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		352.771.764.264	327.101.402.980
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.25	352.771.764.264	327.101.402.980
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.997.690.000	119.999.070.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>131.997.690.000</i>	<i>119.999.070.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.700.930.000	5.700.930.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		62.982.165.580	44.411.814.794
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		152.090.978.684	156.989.588.186
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>75.564.615.771</i>	<i>63.629.162.352</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>76.526.362.913</i>	<i>93.360.425.834</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		681.100.599.962	635.723.320.652

Tiền Giang, ngày 27 tháng 3 năm 2019



TRẦN HOÀNG HUÂN
Tổng Giám đốc


LÊ MỸ PHƯƠNG
Kế toán trưởng


TỪ THỊ VIỆT
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2018	2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	262.710.031.581	302.066.329.361
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		262.710.031.581	302.066.329.361
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	200.523.183.605	231.122.952.966
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62.186.847.976	70.943.376.395
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	46.426.537.030	66.815.530.432
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.374.245.390	3.100.769.945
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.372.340.717	1.247.148.743
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.424.649.505	5.687.336.849
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12.517.527.209	23.451.402.347
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		90.296.962.902	105.519.397.686
11. Thu nhập khác	31		1.254.250.710	278.984.357
12. Chi phí khác	32		378.301.909	106.884.416
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	875.948.801	172.099.941
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		91.172.911.703	105.691.497.627
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	10.921.775.296	12.520.828.881
16. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.15	3.724.773.494	(189.757.088)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		76.526.362.913	93.360.425.834



Tiền Giang, ngày 27 tháng 3 năm 2019

TRẦN HOÀNG HUÂN
Tổng Giám đốc

LÊ MỸ PHƯỢNG
Kế toán trưởng

TỪ THỊ VIỆT
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B03-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		91.172.911.703	105.691.497.627
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.775.613.249	2.259.057.158
- Các khoản dự phòng	03		(2.112.385.354)	3.818.888.262
- Lỗ/ (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.904.673	(10.426.809)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(46.645.037.655)	(66.805.103.623)
- Chi phí lãi vay	06		3.372.340.717	1.247.148.743
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		51.565.347.333	46.201.061.358
- Tăng các khoản phải thu	09	VII	(29.248.019.083)	(24.576.600.812)
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10		(51.254.741.074)	10.471.649.172
- Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	VII	(4.779.994.745)	26.404.704.499
- Giảm/ (Tăng) chi phí trả trước	12		382.534.303	(881.334.979)
- Tiền lãi vay đã trả	14	VII	(3.774.452.736)	(3.795.580.381)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.541.220.691)	(12.080.597.964)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.676.146.483)	(9.535.714.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(46.326.693.176)	32.207.586.093
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(51.584.306.874)	(62.447.159.012)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	VII	1.093.008.506	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(41.134.678.297)	(9.700.112.474)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		59.563.810.964	17.259.582.292
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(453.338.583)	(6.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	VII	10.084.100.000	10.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VII	31.630.155.453	17.307.660.037
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.198.751.169	(33.580.029.157)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		102.439.553.991	93.507.337.171
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(81.251.753.589)	(37.707.501.926)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII	(39.839.536.800)	(47.999.628.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.651.736.398)	7.800.207.245
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(55.779.678.405)	6.427.764.181
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		93.580.035.383	87.141.844.393
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.904.673)	10.426.809
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	37.798.452.305	93.580.035.383

Tiền Giang, ngày 27 tháng 3 năm 2019



TRẦN HOÀNG HUÂN
 Tổng Giám đốc

LÊ MỸ PHƯỢNG
 Kế toán trưởng

TỪ THỊ VIỆT
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (tên tiếng Anh là Tien Giang Investment and Construction Joint Stock Company, tên viết tắt là TICCO) tiền thân là Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang, được cổ phần hóa theo Quyết định số 5017/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2003. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5303000020 (số mới là 1200526842) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi đến lần thứ 15 ngày 12 tháng 7 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 28 tháng 7 năm 2011 với mã chứng khoán là THG.

- **Vốn điều lệ** : 131.997.690.000 VND

Số cổ phiếu : 13.199.769 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

Trụ sở hoạt động chính

Địa chỉ : Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

Điện thoại : (0273) 3 872 878

Fax : (0273) 3 850 597

Website : www.ticco.com.vn

Email : ticco@ticco.com.vn

Mã số thuế : 1 2 0 0 5 2 6 8 4 2

Chi nhánh

Tên Chi nhánh : Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sàn Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOReal)

Địa chỉ : Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

Mã số thuế : 1 2 0 0 5 2 6 8 4 2 - 0 0 7

Xí nghiệp trực thuộc

Tên xí nghiệp : Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu xây dựng

Địa chỉ : Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, thương mại, dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi. Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cống công trình thủy lợi;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng;
- Bán buôn chuyên doanh khác. Chi tiết kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính riêng

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm phản ánh lợi nhuận là 76.526.362.913 VND, giảm 18% so với kỳ kế toán năm trước, tương ứng giảm 16.834.062.921 VND, trong đó lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư vào công ty con, công ty liên kết giảm 17.191.927.454 VND, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bất động sản giảm 995.252.369 VND và lợi nhuận từ các hoạt động còn lại tăng 1.353.116.902 VND.

Nguyên nhân chủ yếu hoạt động kinh doanh trong năm giảm so với kỳ kế toán năm trước do:

- Lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư vào công ty con, công ty liên kết giảm sút phần lớn là lợi nhuận thu về từ Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty con) giảm 17.626.830.204 VND (năm 2018: 31.472.916.162 VND, năm 2017: 49.099.746.366 VND). Nguyên do là công ty này đã đầu tư mở rộng các dự án nhà máy bê tông, đầu tư tăng mới tài sản cố định, nhu cầu vốn đầu tư tăng chủ yếu là vốn vay,...điều đó đã làm cho chi phí khấu hao và chi phí lãi vay trong năm nay tăng đáng kể so với năm trước tương ứng là 9.829.602.772 VND và 5.461.973.146 VND, do đó đã làm cho lợi nhuận trong năm của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO giảm tương ứng.
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bất động sản giảm 995.252.369 VND, chủ yếu là chênh lệch giá vốn của các dự án Khu dân cư hoàn thành được điều chỉnh theo giá trị quyết toán trong các năm, cụ thể giá vốn của dự án Khu nhà ở Thương mại xã Trung An điều chỉnh giảm theo chi phí quyết toán dự án trong năm nay là 22.230.988.603 VND thấp hơn giá vốn của dự án Khu dân cư Trương Định điều chỉnh giảm theo chi phí quyết toán dự án trong năm trước là 780.008.802 VND. Đây cũng chính nguyên nhân làm cho giá vốn của hoạt động bất động sản trong năm có giá trị âm 723.716.211 VND (xem Thuyết minh VI.2).

6. Cấu trúc Công ty

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ, 5 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và 1 công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Lô 1-6 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất, kinh doanh bê tông	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO	Số 90 Đỉnh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Thi công công trình xây dựng thủy lợi	66,67%	66,67%
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	Số 90 Đỉnh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Thi công công trình xây dựng thủy lợi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Cơ khí	Số 90 Đỉnh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	100,00%	100,00%

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công trình TICCO	phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang			
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO	Số 90 Đình Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Kinh doanh vật liệu xây dựng	100,00%	100,00%

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Testco	Lô 1, 2, 3 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Thiết kế, giám sát, kiểm định thử nghiệm chất lượng công trình	20%	20%

7. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 42 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 87 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là kỳ kế toán năm thứ 15 của Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính riêng.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính riêng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi cân trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm phải thu về bán vật liệu xây dựng, phải thu thi công công trình xây dựng thủy lợi, thi công cơ giới và phải thu về chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản phải thu không mang tính thương mại như tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính riêng đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính riêng. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc thiết bị	4 - 12
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán của Công ty.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất là 46 năm.

Phần mềm kế toán

Giá trị phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là văn phòng và các ki ốt do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư do Công ty tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong thời gian từ 25 năm đến 46 năm đối với văn phòng cho thuê và 6 năm đối với các ki ốt cho thuê.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính riêng.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, và phí lãi vay.... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính riêng.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước thể hiện tiền thuê đất phi nông nghiệp của KDC Long Thạnh Hưng, chi phí sửa chữa và chi phí công cụ, dụng cụ.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa và giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, nhận giá trị công trình thi công, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: phải trả cổ tức; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản nhận

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số.46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

tiền đặt cọc, nhận ký quỹ; phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,.. và các khoản phải trả khác.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày Báo cáo tài chính riêng.

Chi phí bảo hành sản phẩm, công trình xây dựng/ cơ khí

Dự phòng cho bảo hành được lập cho từng loại sản phẩm, công trình xây dựng/ cơ khí có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính từ 1% đến 5% trên doanh thu các sản phẩm, công trình xây dựng/ cơ khí có yêu cầu bảo hành.

15. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

➤ Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi bên bán đã chuyển giao cho bên mua phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản, thông thường là trùng với việc chuyển giao bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

Nếu một giao dịch không đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu nói trên, các khoản tiền thanh toán theo tiến độ nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào chỉ tiêu người mua trả tiền trước trên Bảng cân đối kế toán riêng đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính riêng. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về Hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi, lãi cho vay

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp:

- (a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày Báo cáo tài chính riêng mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính riêng so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

18. Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng

Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất, nhà và các chi phí khác có liên quan được phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Các chi phí về đất và phát triển đất;
- Các chi phí xây dựng và liên quan đến xây dựng;
- Các chi phí khác có liên quan phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản như các chi phí phát sinh từ hoạt động phát triển đất và công trình trên đất hiện tại và trong tương lai của dự án (như chi phí phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật chung và chi phí phát triển quỹ đất bắt buộc dành cho các mục đích công cộng,..).

19. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

22. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Tiền mặt	403.166.077	308.843.451
Tiền gửi ngân hàng (i)	8.249.316.074	24.443.795.946
Các khoản tương đương tiền (ii)	29.145.970.154	68.827.395.986
Cộng	<u>37.798.452.305</u>	<u>93.580.035.383</u>

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số V.22, Công ty đã thế chấp toàn bộ số dư tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 6.896.220.697 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 20.506.773.172 VND) để đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang.

(ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,1%/năm đến 5%/năm (năm 2017: từ 4,3%/năm đến 5,2%/năm).

Trong số dư tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang là 5.605.550.805 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.290.384.101 VND), đã được bảo đảm cho các khoản bảo lãnh ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.22).

2. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>31/12/2018</u>		<u>31/12/2017</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	19.576.447.726	19.576.447.726	36.462.563.187	36.462.563.187
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	12.664.915.054	12.664.915.054	11.968.479.579	11.968.479.579
Ngân hàng TMCP	6.911.532.672	6.911.532.672	24.494.083.608	24.494.083.608

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>An Bình - Chi nhánh Tiền Giang</i>				
Dài hạn	7.015.969.187	7.015.969.187	22.640.555.000	22.640.555.000
Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	7.015.969.187	7.015.969.187	22.640.555.000	22.640.555.000
Cộng	7.015.969.187	7.015.969.187	22.640.555.000	22.640.555.000
Cộng	26.592.416.913	26.592.416.913	59.103.118.187	59.103.118.187

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm (ngắn hạn) và trên 1 năm (dài hạn) tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,1%/năm đến 6,7%/năm (năm 2017: từ 5,3%/năm đến 6,5%/năm).

Trong đó, số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang là 4.816.938.996 VND, trong đó ngắn hạn: 2.406.786.365 VND và dài hạn: 2.410.152.631 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 8.833.251.029 VND, trong đó ngắn hạn: 2.284.454.362 VND và dài hạn: 6.548.796.667 VND), đã được bảo đảm cho các khoản bảo lãnh ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.22).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	31/12/2018			31/12/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	127.024.247.386	-	130.204.810.294	114.019.345.695	(1.853.621.202)	112.165.724.493
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (i)	100.000.000.000	-	100.000.000.000	74.000.000.000	-	74.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO (ii)	10.000.000.000	-	13.180.562.908	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang (iii)	-	-	-	14.519.345.695	(1.853.621.202)	12.665.724.493
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO (iv)	7.000.000.000	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	6.524.247.386	-	6.524.247.386	3.500.000.000	-	3.500.000.000
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-	-	-
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>	260.000.000	-	395.466.852	260.000.000	-	349.586.034
Công ty Cổ phần Testco	260.000.000	-	395.466.852	260.000.000	-	349.586.034
Cộng	127.284.247.386	-	130.600.277.146	114.279.345.695	(1.853.621.202)	112.515.310.527

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

- (i) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO với giá trị vốn góp là 100.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 74.000.000.000 VND), chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ của công ty này. Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh bê tông. Trong năm 2018, Công ty đã ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến khoản lợi nhuận hoạt động sản xuất, kinh doanh từ Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO với số tiền là 31.472.916.162 VND (năm 2017: 49.099.746.366 VND).
- (ii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO giảm từ 15.000.000.000 VND chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ còn 10.000.000.000 VND chiếm tỷ lệ 66,67% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO được chuyển đổi từ hình thức “Công ty TNHH Một thành viên” sang hình thức “Công ty cổ phần”

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

từ ngày 25 tháng 01 năm 2018 với vốn điều lệ là 15.000.000.000 VND. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO là thi công công trình xây dựng thủy lợi.

- (iii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang với giá trị vốn góp là 14.519.345.695 VND, chiếm tỷ lệ 75,42% vốn điều lệ của công ty này đã được thoái vốn toàn bộ theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 21 tháng 8 năm 2017, giá trị chuyển nhượng là 15.084.100.000 VND. Công ty đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc chuyển nhượng này và đã thanh lý Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần vào ngày 5 tháng 4 năm 2018. Lãi chuyển nhượng đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang là 2.418.375.507 VND đã được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm (xem Thuyết minh số VI.3).
- (iv) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO với trị giá vốn góp là 7.000.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ của công ty này. Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO hoạt động trong lĩnh vực thi công công trình xây dựng thủy lợi. Hoạt động kinh doanh năm 2018 của Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO lãi 3.059.427.188 VND, Công ty đã ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm (năm 2017: 2.571.860.901 VND).
- (v) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO với trị giá vốn góp là 6.524.247.386 VND, chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ của công ty này. Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí. Hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO lãi 1.399.779.667 VND, Công ty đã ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm (năm 2017: 1.615.241.528 VND).
- (vi) Khoản đầu tư thành lập Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO ngày 4 tháng 4 năm 2018 với giá trị vốn góp là 3.500.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ của công ty này. Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng. Hoạt động kinh doanh năm 2018 của Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO lãi 1.254.479.656 VND, Công ty đã ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm.
- (vii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Testco với giá trị vốn góp là 260.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ của Công ty này. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Testco là thiết kế, giám sát, kiểm định thử nghiệm chất lượng công trình. Trong năm 2018, Công ty đã ghi nhận vào thu nhập tài chính liên quan đến khoản cổ tức thu được từ Công ty Cổ phần Testco với số tiền là 52.000.000 VND (năm 2017: 41.600.000 VND).

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết này là giá được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết tại thời điểm Báo cáo tài chính riêng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Phải thu khách hàng bán vật liệu xây dựng	1.712.235.400	23.723.669.010
Phải thu khách hàng thi công công trình xây dựng	63.727.541.744	45.119.097.009
Phải thu khách hàng sửa chữa, thi công cơ khí	5.286.696.540	5.590.112.540
Phải thu khách hàng thi công cơ giới	3.000.000.000	3.597.603.720
Phải thu khách hàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	1.736.543.070	3.035.354.670
Cộng	<u>75.463.016.754</u>	<u>81.065.836.949</u>

Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan

Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO	5.800.000.000	10.111.082.030
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	5.917.076.639	5.538.863.630
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	3.668.344.732	12.750.200.362
Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	-	21.714.000
Cộng	<u>15.385.421.371</u>	<u>28.421.860.022</u>

Công ty đã thế chấp quyền đòi nợ (khoản phải thu) để đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.22).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Trả trước cho người bán vật liệu xây dựng	-	166.880.200
Trả trước cho người bán thi công công trình	13.249.940.630	3.368.582.000
Trả trước cho người bán sửa chữa, thi công cơ khí	-	671.000.000
Trả trước cho người bán liên quan đến hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất	3.123.331.648	1.479.709.700
Cộng	<u>16.373.272.278</u>	<u>5.686.171.900</u>

Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	769.128.000	768.008.000
Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO	3.646.510.630	357.095.000
Cty TNHH MTV Cơ Khí Công Trình Ticco	-	671.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	742.190.882	1.813.279.000
Cộng	<u>5.157.829.512</u>	<u>3.609.382.000</u>

5. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Xây dựng Vận tải Vinh Phát	-	274.610.652
Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập	-	652.955.005
Ban QLDA ĐT huyện Châu Thành	2.125.217.631	2.125.217.631
Cộng	<u>2.125.217.631</u>	<u>3.052.783.288</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**6. Phải thu về cho vay**

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	18.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	3.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	5.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO	10.000.000.000	-	-	-
b) Dài hạn	-	-	16.918.431.393	-
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	-	-	16.918.431.393	-
Cộng	18.000.000.000	-	16.918.431.393	-

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán, Công ty có các khoản cho các công ty con vay cho mục đích hỗ trợ vốn thi công xây dựng công trình, thời hạn 6 tháng cho từng khoản vay, lãi suất từ 7,6%/năm đến 8%/năm.

7. Phải thu khác

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	33.835.798.574	(10.500.000)	31.278.779.633	(265.668.853)
Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO (*)	2.165.705.753	-	4.816.996.258	-
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (*)	1.092.000.000	-	574.796.932	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO (*)	3.266.276.502	-	2.728.715.959	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí công trình TICCO (*)	389.776.531	-	1.615.241.528	-
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO (*)	1.254.479.656	-	-	-
Sở Tài chính tỉnh An Giang	-	-	255.168.853	(255.168.853)
Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Gò Công Đông	3.529.020.000	-	3.529.020.000	-
Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã Gò Công	178.820.000	-	328.190.000	-
Tạm ứng nhân viên	4.716.139.362	-	3.389.181.082	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	17.243.580.770	(10.500.000)	14.041.469.021	(10.500.000)
Lãi tiền gửi phải thu	654.263.075	-	1.622.721.110	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Tạm ứng cổ tức</i>	15.839.694.800	-	11.999.879.000	-
<i>Thuế TNCN phải thu lại</i>	10.076.837	-	10.076.837	-
<i>Các khoản bảo hiểm phải thu</i>	20.312.406	-	36.400.458	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>	719.233.652	(10.500.000)	372.391.616	(10.500.000)
b) Dài hạn	110.704.068.857	-	96.183.159.641	-
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (**)	110.042.177.627	-	96.183.159.641	-
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	661.891.230	-	-	-
Cộng	144.539.867.431	(10.500.000)	127.461.939.274	(265.668.853)
Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (*)	8.168.238.442	-	9.735.750.677	-
Phải thu dài hạn khác là các bên liên quan (**)	110.042.177.627	-	96.183.159.641	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**8. Nợ xấu**

	31/12/2018			31/12/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.167.865.088	166.553.760	(5.001.311.328)	6.389.399.188	430.218.730	(5.959.180.458)
Công ty Cổ phần GTVT Kiên Giang	925.888.360	-	(925.888.360)	925.888.360	-	(925.888.360)
Công ty Cổ phần ĐTXD Thủy lợi Lâm Đồng	284.333.500	-	(284.333.500)	284.333.500	-	(284.333.500)
Bà Trần Thị Kim Linh	478.473.070	-	(478.473.070)	713.000.000	-	(713.000.000)
Các khách hàng khác	3.479.170.158	166.553.760	(3.312.616.398)	4.466.177.328	430.218.730	(4.035.958.598)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	317.226.500	-	(317.226.500)	317.226.500	-	(317.226.500)
Công ty Sagel	115.496.500	-	(115.496.500)	115.496.500	-	(115.496.500)
Công ty Kiến trúc P.A	50.000.000	-	(50.000.000)	50.000.000	-	(50.000.000)
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Simon	56.000.000	-	(56.000.000)	56.000.000	-	(56.000.000)
DNTN Tấn Hưng 1	40.349.000	-	(40.349.000)	40.349.000	-	(40.349.000)
Công ty TNHH Thiết kế & Quảng cáo Đ.P.Nam	16.181.000	-	(16.181.000)	16.181.000	-	(16.181.000)
Ông Võ Trọng Kỳ	39.200.000	-	(39.200.000)	39.200.000	-	(39.200.000)
Phải thu ngắn hạn khác	10.500.000	-	(10.500.000)	265.668.853	-	(265.668.853)
Sở Tài chính An Giang	-	-	-	255.168.853	-	(255.168.853)
Ông Nguyễn Hữu Đăng Khoa	10.500.000	-	(10.500.000)	10.500.000	-	(10.500.000)
Cộng	5.495.591.588	166.553.760	(5.329.037.828)	6.972.294.541	430.218.730	(6.542.075.811)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Thông tin về khoản nợ xấu bao gồm:

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng, xây dựng, cung cấp dịch vụ, chuyển nhượng quyền sử dụng đất,... các khoản trả trước người bán hay các khoản phải thu khác,.. đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,.. theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

9. Hàng tồn kho

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	120.677.118	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	396.939.958	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	108.900.694.725	(367.440.582)	55.593.799.640	(367.440.582)
Thành phẩm bất động sản (i) (ii)	7.121.100.911	-	13.073.217.196	-
Hàng hóa	-	-	1.783.931.229	-
Cộng	116.021.795.636	(367.440.582)	70.968.565.141	(367.440.582)

(*) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang như sau:

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các công trình xây dựng thủy lợi	3.698.424.243	(367.440.582)	470.463.029	(367.440.582)
Các dự án bất động sản	105.202.270.482	-	55.123.336.611	-
<i>Dự án KDC Trương Định</i>	-	-	-	-
<i>Dự án Khu nhà ở thương mại xã Trung An (iii)</i>	4.844.942.068	-	20.780.607.595	-
<i>Dự án KDC Nguyễn Trãi</i>	99.602.289.548	-	33.957.743.916	-
<i>Dự án KDC Mỹ Thạnh Hưng</i>	60.173.509	-	60.173.509	-
<i>Các dự án khác</i>	694.865.357	-	324.811.591	-
Cộng	108.900.694.725	(367.440.582)	55.593.799.640	(367.440.582)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- (i) Thành phẩm bất động sản của Công ty bao gồm đất nền phân lô thuộc dự án Khu Dân cư Long Thạnh Hưng, thị trấn Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.
- (ii) Như trình bày tại Thuyết minh số V.22, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã thế chấp 3.007,3 m² quyền sử dụng đất của dự án Khu Dân cư Long Thạnh Hưng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Tiền Giang.
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã thế chấp 1.453,5 m² quyền sử dụng đất của dự án Khu nhà ở thương mại xã Trung An để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Quỹ Đầu tư Phát triển Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.22).

10. Chi phí trả trước

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
a) Ngắn hạn	26.812.181	-
Tiền thuê đất phi nông nghiệp của KDC Long Thạnh Hưng	26.812.181	-
b) Dài hạn	469.367.436	1.249.344.525
Công cụ, dụng cụ	469.367.436	808.517.406
Chi phí sửa chữa	-	440.827.119
Cộng	<u>496.179.617</u>	<u>1.249.344.525</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2018	3.434.904.215	16.017.278.306	19.035.176.250	401.411.818	38.888.770.589
Tăng trong năm	12.129.769.726	10.522.039.958	10.919.388.201	1.398.072.421	34.969.270.306
Giảm trong năm	302.094.980	7.613.153.179	2.558.911.763	-	10.474.159.922
31/12/2018	15.262.578.961	18.926.165.085	27.395.652.688	1.799.484.239	63.383.880.973
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2018	3.058.341.108	2.975.712.303	3.338.475.592	329.371.969	9.701.900.972
Tăng trong năm	426.430.351	1.911.125.784	2.601.824.425	235.536.315	5.174.916.875
Giảm trong năm	159.439.032	2.885.616.096	1.688.220.009	-	4.733.275.137
31/12/2018	3.325.332.427	2.001.221.991	4.252.080.008	564.908.284	10.143.542.710
Giá trị còn lại					
01/01/2018	376.563.107	13.041.566.003	15.696.700.658	72.039.849	29.186.869.617
31/12/2018	11.937.246.534	16.924.943.094	23.143.572.680	1.234.575.955	53.240.338.263
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn còn sử dụng:					
01/01/2018	2.797.740.414	111.378.140	1.134.511.500	284.330.000	4.327.960.054
31/12/2018	2.920.074.193	111.378.140	757.309.744	284.330.000	4.073.092.077
GTCL của TSCĐ đang thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (xem Thuyết minh số V.22):					
01/01/2018	169.737.371	12.489.735.971	15.433.057.297	72.039.849	28.164.570.488
31/12/2018	11.937.246.534	16.924.943.094	23.143.572.680	46.214.397	52.051.976.705

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**12. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Phần mềm kế toán</u>	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
01/01/2018	350.263.800	-	350.263.800
Tăng trong năm	-	11.250.453.256	11.250.453.256
Giảm trong năm	-	-	-
31/12/2018	350.263.800	11.250.453.256	11.600.717.056
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2018	233.509.200	-	233.509.200
Tăng trong năm	58.377.300	46.446.237	104.823.537
Giảm trong năm	-	-	-
31/12/2018	291.886.500	46.446.237	338.332.737
Giá trị còn lại			
01/01/2018	116.754.600	-	116.754.600
31/12/2018	58.377.300	11.204.007.019	11.262.384.319

Quyền sử dụng đất là thể hiện giá trị của 925,9 m² đất tại số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang được sử dụng làm tòa nhà văn phòng Công ty, thời gian khấu hao là 46 năm tương ứng với thời hạn sử dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất này đang được dùng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Quỹ Đầu tư Phát triển Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.22).

13. Bất động sản đầu tư

	<u>Kiot cho thuê</u>	<u>Văn phòng cho thuê</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
01/01/2018	1.580.316.192	-	1.580.316.192
Tăng trong năm	-	19.480.772.773	19.480.772.773
Giảm trong năm	-	-	-
31/12/2018	1.580.316.192	19.480.772.773	21.061.088.965
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2018	43.897.672	-	43.897.672
Tăng trong năm	263.386.032	251.176.700	514.562.732
Giảm trong năm	-	-	-
31/12/2018	307.283.704	251.176.700	558.460.404
Giá trị còn lại			
01/01/2018	1.536.418.520	-	1.536.418.520
31/12/2018	1.273.032.488	19.229.596.073	20.502.628.561

Ki ốt cho thuê thể hiện phần giá trị xây dựng của các ki ốt tương ứng với phần diện tích Công ty cho thuê được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.

Văn phòng cho thuê thể hiện giá trị đầu tư xây dựng và quyền sử dụng đất của tòa nhà văn phòng địa chỉ tại ấp 5, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CO626951 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Tiền Giang cấp ngày 30 tháng 7 năm 2018. Văn phòng cho thuê được khấu hao 25 năm đối với giá trị xây dựng và 46 năm đối với quyền sử dụng đất.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Mua sắm tài sản cố định	5.921.713.617	7.681.913.720
Mua căn hộ	1.120.335.652	822.733.720
Mua sắm máy móc thiết bị (*)	4.801.377.965	-
Mua đất đầu tư Trạm trộn bê tông Bến Tre	-	6.859.180.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	22.332.514.892	27.820.144.252
Chi phí xây dựng mới Văn phòng làm việc	-	6.123.174.462
Cụm Công Nghiệp Gia Thuận 1	21.317.518.580	21.130.603.478
Cụm Công Nghiệp Gia Thuận 2	952.988.642	504.358.642
Nhà kho cho thuê	62.007.670	62.007.670
Cộng	<u>28.254.228.509</u>	<u>35.502.057.972</u>

(*) Đây là giá trị 1 xe tải hiệu Hyundai HD210 và 1 bơm bê tông Putzmeister 4.801.377.965 VND đang được dùng để thế chấp cho khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 04/2018/433488/HĐTD ngày 14 tháng 6 năm 2018 (khoản vay cho mục đích mua sắm các tài sản này) (xem Thuyết minh số V.22).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước như sau:

	Giá vốn Khu Dân cư Trương Định năm 2011	Chi phí khấu hao	Số tiền tạm thu hoạt động kinh doanh bất động sản	Chi phí dự phòng và chi phí phân bổ	Các khoản lỗ tính thuế	Cộng
01/01/2017	61.931.153	-	386.240.144	299.516.265	3.347.238.128	4.094.925.690
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2017	(61.931.153)	-	(74.419.937)	315.696.806	10.411.372	189.757.088
31/12/2017	-	-	311.820.207	615.213.071	3.357.649.500	4.284.682.778
01/01/2018	-	-	311.820.207	615.213.071	3.357.649.500	4.284.682.778
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2018	-	9.532.358	(307.671.892)	(411.103.256)	(3.015.530.704)	(3.724.773.494)
31/12/2018	-	9.532.358	4.148.315	204.109.815	342.118.796	559.909.284

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 1.710.593.980 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 16.788.247.500 VND) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận với số tiền 343.118.796 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 3.357.649.500 VND) theo khoản lỗ trên.

Lợi ích từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm	31/12/2018	31/12/2017	Ghi chú
2018	-	12.294.142.828	Lỗ tính thuế năm 2013
2020	1.710.593.980	1.710.593.980	Lỗ tính thuế năm 2015
2022	-	2.783.510.692	Lỗ tính thuế năm 2017
Cộng	1.710.593.980	16.788.247.500	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán vật liệu xây dựng	3.120.016.557	3.120.016.557	12.629.599.230	12.629.599.230
Phải trả người bán thi công công trình	81.557.922.306	81.557.922.306	53.523.686.268	53.523.686.268
Phải trả người bán sửa chữa, thi công cơ khí	3.795.023.621	3.795.023.621	3.634.826.912	3.634.826.912
Phải trả người bán thi công cơ giới	-	-	37.520.998	37.520.998
Phải trả người bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất	1.917.656.388	1.917.656.388	712.488.206	712.488.206
Cộng	90.390.618.872	90.390.618.872	70.538.121.614	70.538.121.614

Số nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty Cổ phần CN Truyền Thông Tigon	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000
Công ty Điện Công nghiệp CaBa	5.693.550	5.693.550	5.693.550	5.693.550
Công ty TNHH TM - DV Lê Phúc	53.500.000	53.500.000	53.500.000	53.500.000
Công ty TNHH XD TM Tứ Gia	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000
Công ty Cổ phần Cơ Khí & Xây Lắp 276	416.926.000	416.926.000	416.926.000	416.926.000
Công ty TNHH TM - DV Địa ốc Hoàng Quân	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp Intec	90.853.333	90.853.333	90.853.333	90.853.333
Công ty Cổ phần In Tổng Hợp Tiền Giang	360.000	360.000	360.000	360.000
Cty TNHH MTV Văn Sáu	-	-	397.669.000	397.669.000
Công ty TNHH XD Giao Thông Bình An	-	-	208.885.160	208.885.160
Công ty TNHH XD Thảo An TG	18.188.000	18.188.000	18.188.000	18.188.000
Công ty TNHH Sao Việt	-	-	60.500.000	60.500.000
Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Long Trung	16.771.000	16.771.000	16.771.000	16.771.000
Công ty Cổ phần TV ĐT Giao Thông - Thủy Lợi TG	-	-	27.384.200	27.384.200
DNTN TV TK Sông	-	-	3.500.000	3.500.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tiền				
Công ty Điện nước Thiên Nhiên Việt	134.815.690	134.815.690	-	-
Công ty Cổ phần ĐT XD Thủy lợi Lâm Đồng	269.500.446	269.500.446	269.500.446	269.500.446
Công ty Nạo vét Đường thùy 2	182.461.000	182.461.000	182.461.000	182.461.000
Công ty TNHH XD TM DV Thùy Luân	14.132.590	14.132.590	14.132.590	14.132.590
Công ty TV Đầu tư Giao thông Thủy lợi Tiền Giang	80.000.000	80.000.000	-	-
Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam	24.750.000	24.750.000	-	-
Văn Phòng Đăng Ký Đất đai Tỉnh Tiền Giang	290.455.006	290.455.006	-	-
Cộng	1.621.706.615	1.621.706.615	1.789.624.279	1.789.624.279

Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	227.848.000	227.848.000	140.776.020	140.776.020
Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO	35.994.720.959	35.994.720.959	17.570.430.400	17.570.430.400
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	38.524.641.968	38.524.641.968	25.011.267.282	25.011.267.282
Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	3.798.544.716	3.798.544.716	3.634.826.912	3.634.826.912
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	501.188.000	501.188.000	1.118.170.926	1.118.170.926
Cộng	79.046.943.643	79.046.943.643	47.475.471.540	47.475.471.540

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018	31/12/2017
Người mua vật liệu xây dựng trả tiền trước	5.805.000	22.960.000
Người mua thi công công trình trả tiền trước	53.540.167.137	28.471.735.823
Người mua sửa chữa, gia công cơ khí	2.492.457.000	1.644.600.000
Người mua thi công cơ giới	7.800.000	7.800.000
Người mua chuyển nhượng quyền sử dụng đất trả tiền trước	414.831.500	7.160.306.500
Cộng	56.461.060.637	37.307.402.323

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chỉ tiêu	01/01/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2018
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	-	3.189.887.379	3.189.887.379	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.056.792.422	1.056.792.422	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	63.641.568	63.641.568	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.548.860.321	10.921.775.296	6.541.220.691	8.929.414.926
Thuế thu nhập cá nhân	87.001.434	2.665.178.171	2.665.079.464	87.100.141
Các loại thuế khác	-	370.942.207	370.942.207	-
<i>Thuế môn bài</i>	-	7.000.000	7.000.000	-
<i>Thuế đất</i>	-	363.942.207	363.942.207	-
Cộng	4.635.861.755	18.268.217.043	13.887.563.731	9.016.515.067

• **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

- Thuế suất áp dụng :

+ Thuế suất 5% : Hoạt động thi công đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp

+ Thuế suất 10% : Hoạt động khác

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo qui định hiện hành.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	31/12/2017
Giá vốn ước tính của các dự án bất động sản	22.993.323.094	42.891.392.422
Chi phí thi công công trình xây dựng	4.200.430.558	3.282.841.627
Chi phí lãi vay phải trả	193.364.647	230.433.127
Các chi phí phải trả khác	83.499.756	154.791.841
Cộng	27.470.618.055	46.559.459.017

20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Doanh thu chưa thực hiện công trình xây dựng thủy lợi	1.587.385.455	-
Doanh thu chưa thực hiện tiền cho thuê văn phòng	272.160.000	-
Doanh thu thu tiền trước bán đất nền	-	24.021.714.199
Cộng	1.859.545.455	24.021.714.199

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**21. Phải trả khác**

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
a) Ngắn hạn	2.245.538.034	12.604.508.210
Kinh phí công đoàn	23.798.553	23.798.553
Thù lao HDQT	66.688.731	66.688.731
Thuế TNCN	5.967.802	5.967.802
Công ty Cổ phần Testco (*)	13.186.591	13.186.591
Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO (*)	119.067.000	-
Công ty Cổ phần 6.3	714.471.536	1.695.939.950
Hoa hồng bán hàng	484.779.174	484.779.174
Phải trả về cổ phần hóa	176.790.020	176.790.020
Thu trước tiền bán cổ phần tại công ty con	-	10.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	32.500.000	-
Các khoản phải trả khác	608.288.627	137.357.389
b) Dài hạn	577.740.000	225.000.000
Nhận tiền đặt cọc cho thuê ki ốt	169.500.000	225.000.000
Nhận tiền đặt cọc cho thuê văn phòng	408.240.000	-
Cộng	<u>2.823.278.035</u>	<u>12.829.508.210</u>
Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Thù lao HDQT	66.688.731	66.688.731
Thuế TNCN	5.967.802	5.967.802
Công ty Cổ phần Testco (*)	13.186.591	13.186.591
Hoa hồng bán hàng	484.779.174	484.779.174
Phải trả về cổ phần hóa	176.790.020	176.790.020
Cộng	<u>747.412.318</u>	<u>747.412.318</u>
Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (*)	<u>132.253.591</u>	<u>13.186.591</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**22. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	72.464.868.000	72.464.868.000	96.378.089.911	(73.672.040.589)	49.758.818.678	49.758.818.678
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>19.340.438.000</i>	<i>19.340.438.000</i>	<i>43.737.797.411</i>	<i>(50.199.477.089)</i>	<i>25.802.117.678</i>	<i>25.802.117.678</i>
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (i)	19.340.438.000	19.340.438.000	43.737.797.411	(50.199.477.089)	25.802.117.678	25.802.117.678
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>32.179.680.000</i>	<i>32.179.680.000</i>	<i>42.382.792.500</i>	<i>(23.472.563.500)</i>	<i>13.269.451.000</i>	<i>13.269.451.000</i>
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang đến hạn trả (ii)	3.902.000.000	3.902.000.000	5.350.000.000	(2.286.000.000)	838.000.000	838.000.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang đến hạn trả	-	-	2.154.675.000	(10.995.376.000)	8.840.701.000	8.840.701.000
Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Tiền Giang đến hạn trả (iii)	28.277.680.000	28.277.680.000	34.878.117.500	(10.191.187.500)	3.590.750.000	3.590.750.000
<i>Vay dài hạn cá nhân đến hạn trả (iv)</i>	<i>20.944.750.000</i>	<i>20.944.750.000</i>	<i>10.257.500.000</i>	<i>-</i>	<i>10.687.250.000</i>	<i>10.687.250.000</i>
b) Vay dài hạn	40.518.514.080	40.518.514.080	6.061.464.080	(7.579.713.000)	42.036.763.000	42.036.763.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (ii)						
Trong vòng 1 năm	3.902.000.000	3.902.000.000	5.350.000.000	(2.286.000.000)	838.000.000	838.000.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	14.011.834.580	14.011.834.580	10.804.834.580	(145.000.000)	3.352.000.000	3.352.000.000
Sau 5 năm	2.391.422.000	2.391.422.000	2.391.422.000	-	-	-
Cộng	20.305.256.580	20.305.256.580	18.546.256.580	(2.431.000.000)	4.190.000.000	4.190.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trừ: Số phải trả trong vòng 1 năm (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(3.902.000.000)	(3.902.000.000)	(5.350.000.000)	2.286.000.000	(838.000.000)	(838.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	16.403.256.580	16.403.256.580	13.196.256.580	(145.000.000)	3.352.000.000	3.352.000.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang						
Trong vòng 1 năm	-	-	2.154.675.000	(10.995.376.000)	8.840.701.000	8.840.701.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	-	-	(2.154.675.000)	(1.833.338.000)	3.988.013.000	3.988.013.000
Cộng	-	-	-	(12.828.714.000)	12.828.714.000	12.828.714.000
Trừ: Số phải trả trong vòng 1 năm (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	-	-	(2.154.675.000)	10.995.376.000	(8.840.701.000)	(8.840.701.000)
Số phải trả sau 12 tháng	-	-	(2.154.675.000)	(1.833.338.000)	3.988.013.000	3.988.013.000
Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Tiền Giang (iii)						
Trong vòng 1 năm	28.277.680.000	28.277.680.000	34.878.117.500	(10.191.187.500)	3.590.750.000	3.590.750.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	21.208.257.500	21.208.257.500	(5.794.117.500)	(5.601.375.000)	32.603.750.000	32.603.750.000
Cộng	49.485.937.500	49.485.937.500	29.084.000.000	(15.792.562.500)	36.194.500.000	36.194.500.000
Trừ: Số phải trả trong vòng 1 năm (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(28.277.680.000)	(28.277.680.000)	(34.878.117.500)	10.191.187.500	(3.590.750.000)	(3.590.750.000)
Số phải trả sau 12 tháng	21.208.257.500	21.208.257.500	(5.794.117.500)	(5.601.375.000)	32.603.750.000	32.603.750.000
Vay dài hạn cá nhân (iv)						
Trong vòng 1 năm	20.944.750.000	20.944.750.000	10.257.500.000	-	10.687.250.000	10.687.250.000
Năm thứ 2	2.907.000.000	2.907.000.000	814.000.000	-	2.093.000.000	2.093.000.000
Cộng	23.851.750.000	23.851.750.000	11.071.500.000	-	12.780.250.000	12.780.250.000
Trừ: Số phải trả trong vòng 1 năm	(20.944.750.000)	(20.944.750.000)	(10.257.500.000)	-	(10.687.250.000)	(10.687.250.000)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
(được trình bày ở phần vay ngắn hạn)						
Số phải trả sau 12 tháng	2.907.000.000	2.907.000.000	814.000.000	-	2.093.000.000	2.093.000.000
Tổng cộng	112.983.382.080	112.983.382.080	102.439.553.991	(81.251.753.589)	91.795.581.678	91.795.581.678

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có chi tiết các khoản vay và nợ chủ yếu như sau:

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/433488/HĐTD ngày 26 tháng 10 năm 2018 với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng 12 tháng từ ngày 26 tháng 10 năm 2018 đến ngày 26 tháng 10 năm 2019 và 8 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất Ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất áp dụng là 7,6%/năm - 8%/năm (năm 2017: 6%/năm - 8%/năm). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi và thi công các công trình. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất tại số 90, đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (xem Thuyết minh số VIII.1), tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 11.382.639.380 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5.461.950.890 VND) (xem Thuyết minh số V.11), toàn bộ số dư tiền ngân hàng gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.1) và quyền đòi nợ (khoản phải thu) (xem Thuyết minh số V.3) để thế chấp cho khoản vay này.

Ngoài ra, Công ty còn ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2018/433488/HĐBL ngày 26 tháng 10 năm 2018 với hạn mức bảo lãnh là 200.000.000.000 VND, thời hạn bảo lãnh 12 tháng từ ngày 26 tháng 10 năm 2018 đến ngày 26 tháng 10 năm 2019. Như điều kiện đảm bảo tại Hợp đồng tín dụng hạn mức được trình bày ở trên, Công ty còn ký quỹ 5%/giá trị bảo lãnh bằng tiền gửi không kỳ hạn của Bên được bảo lãnh hoặc cầm cố bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho các Hợp đồng cấp bảo lãnh này (xem Thuyết minh số V.1 và số V.2a). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang cho Công ty là 158.344.035.809 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 81.689.434.640 VND). Bên cạnh đó, Công ty còn được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang cấp các cam kết tín dụng khi thực hiện thi công các công trình, số tiền được cấp cam kết theo từng gói thầu thi công với số dư bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 146.457.871.800 VND.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang với chi tiết như sau:
- Khoản vay thứ 1 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 02/2017/433488/HĐTD ngày 19 tháng 12 năm 2017 với số tiền vay là 4.190.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 60 tháng, không ân hạn. Công ty trả số tiền vay trong 20 kỳ, mỗi kỳ 3 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất ưu đãi 8,5%/năm trong 12 tháng kể từ khi giải ngân, sau thời gian ưu đãi lãi suất bằng lãi suất trả sau kỳ hạn 24 tháng đối với khách hàng vay cá nhân + 3,5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất thông báo của Ngân hàng từng thời điểm điều chỉnh và không cao hơn lãi suất Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích của khoản vay để mua 3 xe trộn bê tông Hyundai HD270. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này, giá trị còn lại của các tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 4.966.920.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5.518.800.000 VND) (xem Thuyết minh số V.10). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư khoản vay này là 3.352.000.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 838.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: số dư khoản vay là 4.190.000.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 838.000.000 VND).
 - Khoản vay thứ 2 theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/433488/HĐTD ngày 28 tháng 3 năm 2018 và Văn bản sửa đổi, bổ sung HĐTD ngày 01 tháng 6 năm 2018 với số tiền vay là 2.900.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 60 tháng, không ân hạn. Công ty trả số tiền vay trong 20 kỳ, mỗi kỳ 3 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất ưu đãi 9,5%/năm trong 12 tháng kể từ khi giải ngân, sau thời gian ưu đãi lãi suất bằng lãi suất trả sau kỳ hạn 24 tháng + 3,5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất thông báo của Ngân hàng từng thời điểm điều chỉnh và không cao hơn lãi suất của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích của khoản vay để mua trạm trộn bê tông 120m³/h. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này, giá trị còn lại của các tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 3.877.657.153 VND (xem Thuyết minh số V.10). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư khoản vay này là 2.465.000.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 580.000.000 VND.
 - Khoản vay thứ 3 theo Hợp đồng tín dụng số 02/2018/433488/HĐTD ngày 23 tháng 5 năm 2018 với số tiền vay là 8.400.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 84 tháng, không ân hạn. Công ty trả số tiền vay trong 28 kỳ, mỗi kỳ 3 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất ưu đãi 9,5%/năm trong 12 tháng kể từ khi giải ngân, sau thời gian ưu đãi lãi suất bằng lãi suất trả sau kỳ hạn 24 tháng + 4%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất thông báo của Ngân hàng từng thời điểm điều chỉnh và không cao hơn lãi suất Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích của khoản vay để mua 6 xe trộn bê tông Hyundai HD270. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này, giá trị còn lại của các tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 10.086.664.896 VND (xem Thuyết minh số V.10). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư khoản vay này là 7.800.000.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 1.200.000.000 VND.
 - Khoản vay thứ 4 theo Hợp đồng tín dụng số 03/2018/433488/HĐTD ngày 6 tháng 4 năm 2018 với số tiền vay là 2.390.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 60 tháng, không ân hạn. Công ty đã rút vốn vay trong năm 2018 với số tiền là 2.389.844.400 VND, Công ty trả số tiền vay trong 20 kỳ, mỗi kỳ 3 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất ưu đãi 9,5%/năm trong 12 tháng kể từ khi giải ngân, sau thời gian ưu đãi lãi suất bằng lãi suất trả sau kỳ hạn 24 tháng + 3,5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất thông báo của Ngân hàng từng thời điểm điều chỉnh và không cao hơn lãi suất Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích của khoản vay để mua 15 bộ khuôn cọc D500mm x L15.4m, 5 bộ khuôn D600mm x L15.4m và thiết bị gia tốc kèm theo. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này, giá trị còn lại của các tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 3.255.597.340 VND (xem Thuyết minh số V.10). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

khoản vay này là 2.150.844.400 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 478.000.000 VND.

- Khoản vay thứ 5 theo Hợp đồng tín dụng số 04/2018/433488/HĐTĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 với số tiền vay là 3.300.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 84 tháng, không ân hạn. Công ty đã rút vốn vay trong năm 2018 với số tiền là 3.176.422.000 VND, Công ty trả số tiền vay trong 28 kỳ, mỗi kỳ 3 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất ưu đãi 9,5%/năm trong 12 tháng kể từ khi giải ngân, sau thời gian ưu đãi lãi suất bằng lãi suất trả sau kỳ hạn 24 tháng + 4%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất thông báo của Ngân hàng từng thời điểm điều chỉnh và không cao hơn lãi suất Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích của khoản vay để mua 1 xe tải hiệu Hyundai HD210 và 1 bơm bê tông Putzmeister. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này, các tài sản này đang trong giai đoạn hoàn thiện có giá trị đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 4.801.377.965 VND (xem Thuyết minh số V.13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư khoản vay này là 2.941.422.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 470.000.000 VND.
- Khoản vay thứ 6 theo Hợp đồng tín dụng số 04/2018/433488/HĐTĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 với số tiền vay là 1.679.990.180 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 60 tháng, không ân hạn. Công ty đã rút vốn vay trong năm 2018 với số tiền là 3.176.422.000 VND, Công ty trả số tiền vay trong 28 kỳ, mỗi kỳ 3 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất ưu đãi 9,5%/năm trong 12 tháng kể từ khi giải ngân, sau thời gian ưu đãi lãi suất bằng lãi suất trả sau kỳ hạn 24 tháng + 4%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất thông báo của Ngân hàng từng thời điểm điều chỉnh và không cao hơn lãi suất Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích của khoản vay để mua 20 bộ khuôn cọc tròn D350mm. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này, giá trị còn lại của các tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2.377.317.375 VND (xem Thuyết minh số V.11), số dư khoản vay này là 1.595.990.180 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 336.000.000 VND.

(iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty còn khoản vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 2/2017/HĐTĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 58.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 36 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian ân hạn, số tiền vay được trả thành 8 kỳ mỗi kỳ 3 tháng. Khoản vay của Hợp đồng tín dụng này chịu lãi suất 7,2%/năm. Mục đích của khoản vay để đầu tư xây dựng đường Nguyễn Trãi nối dài và Khu Dân cư 2 bên đường. Công ty sử dụng các quyền sử dụng đất của dự án Khu nhà ở Thương mại xã Trung An và dự án Khu Dân cư Long Thạnh Hưng (xem Thuyết minh số V.8) và 3 xe trộn bê tông mua theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 173/18082017/NP-TG ngày 18 tháng 8 năm 2017 để thế chấp cho khoản vay này, giá trị còn lại của các tài sản thế chấp này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 4.952.054.532 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5.523.445.452 VND) (xem Thuyết minh số V.11). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư khoản vay này là 49.485.937.500 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 28.277.680.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư khoản vay này là 28.726.000.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 3.590.750.000 VND).

(iv) Công ty vay lại các hộ gia đình thuộc diện đền bù, giải tỏa trong dự án Khu Dân cư Nguyễn Trãi với thời hạn từ 15 tháng đến 20 tháng không có trả lãi, quá hạn không thanh toán, lãi suất được tính 6%/năm.

23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Dự phòng phải trả các công trình cơ khí	64.757.914	235.138.571
Dự phòng phải trả các công trình thi công xây dựng	2.523.126.529	3.252.093.243
Cộng	<u>2.587.884.443</u>	<u>3.487.231.814</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận (*)	Chi/ sử dụng các quỹ	Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ phúc lợi	Số cuối năm
Năm 2017					
Quỹ khen thưởng	1.039.071.350	2.590.451.716	(2.228.000.000)	-	1.401.523.066
Quỹ phúc lợi	2.096.778.336	2.590.451.716	(3.499.714.800)	-	1.187.515.252
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	39.078.855	-	-	(20.388.960)	18.689.895
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.861.195.365	4.677.175.708	(3.808.000.000)	-	2.730.371.073
Cộng	5.036.123.906	9.858.079.140	(9.535.714.800)	(20.388.960)	5.338.099.286
Năm 2018					
Quỹ khen thưởng	1.401.523.066	2.785.552.618	(866.473.240)	-	3.320.602.444
Quỹ phúc lợi	1.187.515.252	12.070.728.011	(1.809.673.243)	-	11.448.570.020
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	18.689.895	-	-	(18.689.895)	-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.730.371.073	-	-	-	2.730.371.073
Cộng	5.338.099.286	14.856.280.629	(2.676.146.483)	(18.689.895)	17.499.543.537

(*) Xem trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế tại Thuyết minh số V.25.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**25. Vốn đầu tư chủ sở hữu**

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm và năm trước

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2017	119.999.070.000	5.700.930.000	35.776.975.740	118.121.801.546	279.598.777.286
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	93.360.425.834	93.360.425.834
Trích lập các quỹ	-	-	8.634.839.054	(18.492.918.194)	(9.858.079.140)
Chia cổ tức	-	-	-	(35.999.721.000)	(35.999.721.000)
31/12/2017	119.999.070.000	5.700.930.000	44.411.814.794	156.989.588.186	327.101.402.980
01/01/2018	119.999.070.000	5.700.930.000	44.411.814.794	156.989.588.186	327.101.402.980
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	76.526.362.912	76.526.362.912
Trích lập các quỹ	-	-	18.570.350.786	(33.426.631.415)	(14.856.280.629)
Chia cổ tức	11.998.620.000	-	-	(47.998.341.000)	(35.999.721.000)
31/12/2018	131.997.690.000	5.700.930.000	62.982.165.580	152.090.978.683	352.771.764.263

Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ.ĐHĐCĐ và được Đại hội đồng cổ đông thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2018. Trong đó, cổ tức năm 2017 được chia bằng mức 40% vốn điều lệ tỷ lệ bao gồm cổ tức chi trả bằng tiền bằng 30% vốn điều lệ với số tiền là 35.999.721.000 VND và cổ tức chi trả bằng cổ phiếu bằng 10% vốn điều lệ với số tiền là 11.998.620.000 VND, Công ty đã đăng ký phát hành thêm 1.199.862 cổ phiếu tương ứng với vốn điều lệ tăng lên là 11.998.620.000 VND.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.199.769	11.999.907
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	13.199.769	11.999.907
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.769</i>	<i>11.999.907</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.199.769	11.999.907
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.769</i>	<i>11.999.907</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá (VND/ cổ phiếu)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

26. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán riêng***Ngoại tệ các loại***

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Đô la Mỹ	USD	354,15	367,35
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	<u>3.351,72</u>	<u>3.362,55</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**Đơn vị tính: VND****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	20.515.982.117	61.281.148.481
Doanh thu công trình xây dựng thủy lợi	180.111.845.527	142.046.770.460
Doanh thu thi công cơ giới	120.677.118	6.306.814.466
Doanh thu kinh doanh bất động sản	55.459.135.206	91.897.618.681
Doanh thu khác	6.502.391.613	533.977.273
Cộng	<u>262.710.031.581</u>	<u>302.066.329.361</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	10.438.359.632	24.938.859.844
Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO	620.473.885	12.169.031.835
Công ty TNHH MTV Xây dựng thủy lợi TICCO	7.925.491.477	17.146.926.313
Công ty TNHH MTV Cơ khí công trình TICCO	129.068.646	125.702.108
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO	76.963.636	-
Cộng	<u>19.190.357.276</u>	<u>54.380.520.100</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	18.566.481.938	54.198.106.130
Giá vốn thi công công trình xây dựng thùy lợi	177.965.686.687	141.042.299.274
Giá vốn thi công cơ giới	155.949.182	5.584.397.964
Giá vốn kinh doanh bất động sản	(723.716.211)	29.859.845.690
Giá vốn khác	4.558.782.009	438.303.908
Cộng	200.523.183.605	231.122.952.966

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	5.291.085.336	8.488.124.475
Lãi cho vay	978.473.514	171.534.095
Cổ tức, lợi tức được chia từ công ty liên kết	52.000.000	41.600.000
Cổ tức, lợi tức được chia từ công ty con	37.686.602.673	58.103.845.053
Lãi chuyển nhượng công ty con	2.418.375.507	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	10.426.809
Cộng	46.426.537.030	66.815.530.432

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	3.372.340.717	1.247.148.743
Dự phòng đầu tư vào công ty con	-	1.853.621.202
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.904.673	-
Cộng	3.374.245.390	3.100.769.945

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	797.723.988	1.185.270.565
Chi phí vật liệu, bao bì	1.021.076.998	4.094.853.805
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	19.121.824	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	90.524.517	150.783.697
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.899.965	13.296.084
Chi phí bằng tiền khác	485.302.213	243.132.698
Cộng	2.424.649.505	5.687.336.849

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	5.425.728.903	16.611.642.237
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	201.162.913	207.073.332
Chi phí dụng cụ quản lý	206.523.260	128.055.092
Chi phí khấu hao	916.011.783	507.397.884
Thuế phí và lệ phí	915.968.121	461.879.181
(Hoàn nhập) Chi phí dự phòng	(957.869.130)	281.077.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	514.766.087	549.721.312
Chi phí bằng tiền khác	5.295.235.272	4.704.555.656
Cộng	12.517.527.209	23.451.402.347

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**7. Lợi nhuận khác**

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Thu nhập khác		
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	218.500.625	-
Hoàn nhập chi bảo hành công trình	845.640.223	152.385.692
Thu tiền tiền phạt vi phạm hợp đồng	22.000.000	96.320.055
Thu tiền điện, nước kiot cho thuê	163.576.193	27.856.727
Thu nhập khác	4.533.669	2.421.883
Cộng	<u>1.254.250.710</u>	<u>278.984.357</u>
Chi phí khác		
Chi phí khấu hao TSCĐ không hoạt động	47.661.788	-
Phạt chậm nộp thuế, vi phạm hợp đồng	138.230.402	-
Chi phí điện, tiền nước kiot cho thuê	192.409.719	18.718.049
Chi phí khác	-	88.166.367
Cộng	<u>378.301.909</u>	<u>106.884.416</u>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	<u>875.948.801</u>	<u>172.099.941</u>

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	91.172.911.703	105.691.497.627
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	(38.886.037.469)	(52.471.218.594)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	908.081.485	6.528.878.245
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(39.794.118.954)	(59.000.096.839)
Trừ: Chuyển lỗ	(243.678.231)	-
Thu nhập chịu thuế	<u>52.043.196.003</u>	<u>53.220.279.033</u>
Trong đó:	-	-
Thu nhập chịu thuế trong năm	52.043.196.003	31.445.969.133
Lỗ không tính thuế trong năm	-	(2.783.510.692)
Thu nhập chịu thuế điều chỉnh năm 2016	-	731.590.218
Thu nhập chịu thuế điều chỉnh năm 2014 và 2015	-	3.066.889.161
Thu nhập chịu thuế điều chỉnh năm 2011, 2012 và 2013	-	20.759.341.213
Thuế suất áp dụng		
Từ năm 2016 trở đi	20%	20%
Năm 2014 và năm 2015	22%	22%
Từ năm 2011 đến năm 2013	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>10.408.639.201</u>	<u>12.300.062.789</u>
Cộng: Chênh lệch thuế tạm nộp 1% trên số tiền thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong năm	(307.671.892)	(188.518.254)
Cộng: Thuế tạm nộp 1% trên số tiền thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất bổ sung năm trước	-	409.284.346
Cộng: Bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	820.807.987	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>10.921.775.296</u>	<u>12.520.828.881</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Đối với các dự án kinh doanh bất động sản (bán nền đất) chưa hoàn thành, Công ty tạm trích thuế thu nhập doanh nghiệp trên 1% số tiền tạm thu được trong kỳ theo quy định.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	19.931.520.559	59.745.168.064
Chi phí nhân viên	6.223.452.891	20.893.690.527
Chi phí khấu hao	5.727.951.461	2.259.057.158
Chi phí dịch vụ mua ngoài	221.336.901.736	158.066.323.399
Chi phí bằng tiền khác	9.600.312.472	10.857.686.078
Cộng	262.820.139.119	251.821.925.226

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng**

Thanh lý tài sản cố định trong năm đã thu tiền năm trước	1.127.387.644	-
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	654.263.075	1.622.721.110
Lãi cho vay phải thu	311.711.232	43.235.991
Lợi nhuận phải thu công ty con	37.686.602.673	58.103.845.053
Đầu tư vào công ty con từ lợi nhuận phải thu	13.000.000.000	30.000.000.000
Đầu tư vào công ty con từ khoản cho vay	13.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty con từ hàng tồn kho	2.285.346.718	-
Đầu tư vào công ty con từ tài sản cố định	3.785.562.085	-
Thu hồi đầu tư vào công ty con bù trừ với công nợ phải trả	-	10.000.000.000
Bù trừ lợi nhuận công ty con với công nợ	4.204.862.454	4.236.741.256
Phải trả tiền mua sắm, xây dựng tài sản	1.898.391.818	370.455.006
Tài sản mua sắm, xây dựng trong kỳ từ tiền trả trước năm trước	737.603.000	185.900.000
Chi phí lãi vay phải trả	193.364.647	230.433.127
Cổ tức đã tạm ứng ở năm trước	11.999.907.000	-

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong năm	1.622.721.110	229.122.577
Lãi cho vay phải thu năm trước đã thu trong năm	43.235.991	43.235.991
Lợi nhuận phải thu công ty con năm trước đã thu trong năm	24.608.613.809	10.000.000.000
Tiền mua sắm, xây dựng tài sản phải trả năm trước đã trả trong năm	-	72.727.273

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Trả trước tiền mua sắm, xây dựng tài sản	372.900.000	1.062.306.200
Tạm ứng tiền mua sắm, xây dựng tài sản	-	3.529.020.000
Thu trước tiền thanh lý, nhượng bán công ty con	-	10.000.000.000
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong năm	230.433.127	133.340.810
Tạm ứng cổ tức	<u>15.839.722.800</u>	<u>11.999.907.000</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Trong vòng 1 năm	326.249.319	326.249.319
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	1.304.997.276	1.304.997.276
Sau 5 năm	16.716.972.986	17.043.222.305
Cộng	<u>18.348.219.581</u>	<u>18.674.468.900</u>

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất theo các hợp đồng thuê đất ký kết với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang như sau:

- Hợp đồng thuê đất số 2166/HĐTĐ ngày 23 tháng 12 năm 2008 về việc thuê 21.482,4 m² đất tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để làm trụ sở hoạt động kinh doanh của Công ty, thời hạn thuê là từ ngày 25 tháng 11 năm 2008 đến ngày 01 tháng 01 năm 2047, tiền thuê đất hàng năm là 322.012.471 VND.

Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại số 90, đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số 22).

- Hợp đồng thuê đất số 1701/HĐTĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017 về việc thuê 1.822,3 m² đất tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cho hoạt động kinh doanh của Công ty, thời hạn thuê là từ ngày 22 tháng 3 năm 2017 đến ngày 01 tháng 01 năm 2047, tiền thuê đất hàng năm là 4.236.848 VND.
- Hợp đồng thuê đất số 5125/HĐTĐ ngày 15 tháng 12 năm 2016 về việc thuê 118.574,5 m² đất tại ấp 4, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang để xây dựng nhà máy sản xuất bê tông, thời hạn thuê là từ ngày 27 tháng 10 năm 2015 đến ngày 27 tháng 10 năm 2065. Tiền thuê đất hàng năm là 249.006.450 VND, Công ty được miễn tiền thuê đất từ ngày 15 tháng 6 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2028.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thu tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Trong vòng 1 năm	2.112.345.454	786.545.456
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	8.315.543.273	2.098.909.091
Sau 5 năm	221.454.546	1.136.999.997
Cộng	<u>10.649.343.273</u>	<u>4.022.454.544</u>

Các khoản thu tiền cho thuê hoạt động thể hiện:

- Hợp đồng cho thuê tòa nhà văn phòng theo Hợp đồng số 0597/18/HVB ngày 28 tháng 8 năm 2019 do Công ty làm chủ sở hữu tại địa chỉ ấp 5, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, thời hạn cho thuê là 5 năm từ ngày 28 tháng 8 năm 2018, giá cho thuê trong 3 năm đầu là 136.080.000 VND/tháng và trong 2 năm cuối là 142.884.000 VND/tháng.
- Các hợp đồng cho thuê ki ốt do Công ty làm chủ sở hữu tại địa chỉ số 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, thời gian cho thuê từ 1 đến 9 năm, giá cho thuê được thỏa thuận trong suốt thời hạn của hợp đồng.

2. Nghiệp vụ các bên liên quan

Giao dịch với bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO
Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO
Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO
Công ty Cổ phần Testco

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con
Công ty con (trước ngày 5/4/2018)
Công ty con (từ 22/9/2016)
Công ty con (từ 22/9/2016)
Công ty con (từ 4/4/2018)
Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO		
Bán hàng	5.395.242.363	24.488.325.390
Cho thuê xe, cho thuê thiết bị	5.043.117.269	450.534.454
Nhượng bán tài sản cố định	491.190.325	-
Tiền điện sản xuất kinh doanh	410.094.555	1.803.553.477
Chi hộ	-	208.293.538
Mua hàng	1.012.247.000	305.268.364
Nhận giá trị công trình thi công	570.770.909	-
Thuê xe, thuê thiết bị, thuê xe vận chuyển vật tư	72.495.910	179.697.819
Lãi cho vay dài hạn	626.433.515	171.534.095
Lợi nhuận chuyển về	<u>31.472.916.162</u>	<u>49.099.746.366</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO		
Bán hàng	505.244.091	7.660.875.642
Cho thuê xe, cho thuê thiết bị, vận chuyển vật tư	115.229.794	4.508.156.193
Nhận giá trị công trình thi công	93.821.292.256	60.690.043.734
Mua hàng	-	-
Thuê xe, thuê thiết bị, thuê xe vận chuyển vật tư	30.223.637	17.867.664
Tiền điện, nước kiot	2.410.998	2.883.647
Tiền điện sản xuất kinh doanh	-	16.511.148
Cho thuê đất	26.570.655	26.570.655
Chi phí phạt hợp đồng	-	-
Chi hộ	559.202.676	364.548.477
Lãi cho vay	165.705.753	-
Cho vay ngắn hạn	10.000.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận chuyển về	500.000.000	4.816.996.258
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO		
Bán hàng	1.319.838.455	16.138.681.456
Cho thuê xe, cho thuê thiết bị, vận chuyển vật tư	1.335.653.022	916.939.564
Sửa chữa máy móc	-	91.305.293
Thi công công trình Nguyễn Trãi	5.270.000.000	-
Nhượng bán tài sản cố định	1.127.387.644	-
Nhận giá trị công trình thi công	101.188.633.714	52.287.738.726
Thuê nhân công	-	122.210.500
Chi phí đầu tư dự án cọc ván dự ứng lực	-	703.859.148
Thuê máy móc thiết bị	-	7.405.041
Tiền điện sản xuất kinh doanh	5.164.409	5.541.101
Cho thuê đất	18.567.782	18.567.782
Chi hộ	126.518.283	207.951.438
Quỹ khen thưởng	108.000.000	-
Lãi cho vay	139.178.081	-
Cho vay ngắn hạn	3.000.000.000	-
Lợi nhuận chuyển về	3.059.427.188	2.571.860.901
Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO		
Cho thuê thiết bị	120.677.118	105.962.108
Sửa chữa máy móc	8.391.528	19.740.000
Nhận giá trị công trình thi công	10.147.005.455	14.666.852.728
Thuê xe	3.200.995	-
Thuê nhân công, thiết bị	159.583.537	212.956.900
Tiền điện sản xuất kinh doanh	-	106.304.858
Cho thuê đất	33.150.993	33.150.993
Chi hộ	80.607.497	175.138.138
Quỹ khen thưởng	138.000.000	-
Lãi cho vay	47.156.165	-
Cho vay ngắn hạn	5.000.000.000	-
Lợi nhuận chuyển về	1.399.779.667	1.615.241.528

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCO		
Bán nguyên vật liệu	76.963.636	-
Tiền điện	3.442.939	-
Lợi nhuận chuyển về	<u>1.254.479.656</u>	<u>-</u>
Công ty Cổ phần Testco		
Thuê thí nghiệm	-	1.170.000
Nhận cổ tức	<u>52.000.000</u>	<u>41.600.000</u>
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:		
	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO		
Phải thu tiền bán hàng, thi công công trình, cho thuê thiết bị	5.917.076.639	5.538.863.630
Trả trước tiền mua hàng	769.128.000	768.008.000
Phải thu ngắn hạn khác	1.092.000.000	574.796.932
Phải thu dài hạn khác	110.042.177.627	96.183.159.641
Phải thu về cho vay dài hạn	-	16.918.431.393
Phải trả tiền mua hàng, thuê thiết bị	<u>227.848.000</u>	<u>140.776.020</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng TICCO		
Phải thu tiền bán hàng, cho thuê thiết bị	5.800.000.000	10.111.082.030
Trả trước tiền mua hàng	3.646.510.630	357.095.000
Phải thu ngắn hạn khác	2.165.705.753	4.816.996.258
Phải trả tiền thi công công trình, cho thuê thiết bị	<u>35.994.720.959</u>	<u>17.570.430.400</u>
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO		
Phải thu tiền bán hàng, cho thuê thiết bị	3.668.344.732	12.750.200.362
Trả trước tiền thi công	742.190.882	1.813.279.000
Phải thu ngắn hạn khác	3.266.276.502	2.728.715.959
Phải trả do thi công công trình	<u>38.524.641.968</u>	<u>25.011.267.282</u>
Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO		
Phải thu cho thuê thiết bị	-	21.714.000
Trả trước tiền thi công	-	671.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	389.776.531	1.615.241.528
Phải trả tiền thi công công trình	<u>3.798.544.716</u>	<u>3.634.826.912</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang		
Phải trả tiền thi công công trình	<u>501.188.000</u>	<u>1.118.170.926</u>
Công ty Cổ phần Testco		
Phải trả khác	<u>13.186.591</u>	<u>13.186.591</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Lương, thưởng và phụ cấp	5.492.620.809	3.887.473.812
Cộng	5.492.620.809	3.887.473.812

3. Thông tin bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 5 bộ phận theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Kinh doanh vật liệu xây dựng; Thi công công trình; Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí; Thi công cơ giới và Kinh doanh bất động sản. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 5 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 5 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh vật liệu xây dựng: Đây là hoạt động kinh doanh chính của Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu xây dựng (xí nghiệp trực thuộc);
- Bộ phận thi công công trình: Chủ yếu thi công công trình xây dựng thủy lợi. Đây là hoạt động kinh doanh chính Công ty;
- Bộ phận sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí: Chủ yếu sản xuất, gia công cửa cống cho công trình thủy lợi. Đây là hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Xí nghiệp Cơ khí Sửa chữa (xí nghiệp trực thuộc trước ngày 15 tháng 12 năm 2016);
- Bộ phận thi công cơ giới: Chủ yếu cho thuê máy móc thi công công trình thủy lợi. Đây là hoạt động kinh doanh chính của Xí nghiệp Thi công cơ giới (xí nghiệp trực thuộc trước ngày 8 tháng 3 năm 2018);
- Bộ phận kinh doanh bất động sản: Chủ yếu thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các khu dân cư; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông. Đây là một bộ phận kinh doanh của Công ty và là hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sàn Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOReal).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Thi công công trình	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bổ	Cộng
31/12/2018							
Tài sản							
Tài sản bộ phận	1.330.043.760	84.087.394.559	5.010.288.000	3.000.000.000	137.079.807.035	-	230.507.533.354
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	450.593.066.608	450.593.066.608
Tổng tài sản	1.330.043.760	84.087.394.559	5.010.288.000	3.000.000.000	137.079.807.035	450.593.066.608	681.100.599.962
Nợ phải trả							
Nợ phải trả bộ phận	3.125.821.557	144.170.444.024	6.352.238.535	7.800.000	35.783.294.562	-	189.439.598.678
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	138.889.237.020	138.889.237.020
Tổng nợ phải trả	3.125.821.557	144.170.444.024	6.352.238.535	7.800.000	35.783.294.562	138.889.237.020	328.328.835.698
31/12/2017							
Tài sản							
Tài sản bộ phận	26.117.402.439	52.255.711.587	5.984.704.000	4.586.599.064	73.181.396.220	-	162.125.813.310
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	473.597.507.342	473.597.507.342
Tổng tài sản	26.117.402.439	52.255.711.587	5.984.704.000	4.586.599.064	73.181.396.220	473.597.507.342	635.723.320.652
Nợ phải trả							
Nợ phải trả bộ phận	12.809.161.929	90.317.307.713	5.514.565.483	1.017.376.762	56.277.515.760	-	165.935.927.647
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	142.685.990.025	142.685.990.025
Tổng nợ phải trả	12.809.161.929	90.317.307.713	5.514.565.483	1.017.376.762	56.277.515.760	142.685.990.025	308.621.917.672

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Thi công công trình	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bổ	Cộng
Năm 2018							
Doanh thu thuần bộ phận	20.515.982.117	186.614.237.140	-	120.677.118	55.459.135.206	-	262.710.031.581
Giá vốn bộ phận	18.566.481.938	182.524.468.696	-	155.949.182	(723.716.211)	-	200.523.183.605
Chi phí bán hàng	1.309.829.533	-	-	-	1.114.819.972	-	2.424.649.505
Chi phí quản lý doanh nghiệp	193.967.859	9.084.939.722	-	165.000	3.238.454.628	-	12.517.527.209
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	445.702.787	(4.995.171.278)	-	(35.437.064)	51.829.576.817	-	47.244.671.262
Doanh thu hoạt động tài chính	466.656	-	-	22.624	669.967	46.425.377.783	46.426.537.030
Chi phí tài chính	130.748.360	-	-	-	-	3.243.497.030	3.374.245.390
Thu nhập khác	-	1.068.641.717	-	-	185.608.993	-	1.254.250.710
Chi phí khác	-	170.132.677	-	-	208.169.232	-	378.301.909
Lợi nhuận trước thuế	315.421.083	(4.096.662.238)	-	(35.414.440)	51.807.686.545	43.181.880.753	91.172.911.703
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	10.921.775.296	-	10.921.775.296
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	401.570.898	-	-	307.671.892	3.015.530.704	3.724.773.494
Lợi nhuận sau thuế	315.421.083	(4.498.233.136)	-	(35.414.440)	40.578.239.357	40.166.350.049	76.526.362.913

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Thi công công trình	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bổ	Cộng
Năm 2017							
Doanh thu thuần bộ phận	61.281.148.481	142.580.747.733	-	6.306.814.466	91.897.618.681	-	302.066.329.361
Giá vốn bộ phận	54.198.106.130	141.480.603.182	-	5.584.397.964	29.859.845.690	-	231.122.952.966
Chi phí bán hàng	4.673.368.493	-	-	-	1.013.968.356	-	5.687.336.849
Chi phí quản lý doanh nghiệp	761.102.181	5.331.088.702	-	735.148.727	6.894.926.047	9.729.136.690	23.451.402.347
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	1.648.571.677	(4.230.944.151)	-	(12.732.225)	54.128.878.588	(9.729.136.690)	41.804.637.199
Doanh thu hoạt động tài chính	1.077.691	-	-	751.588	854.713	66.812.846.440	66.815.530.432
Chi phí tài chính	395.212.477	-	-	-	-	2.705.557.468	3.100.769.945
Thu nhập khác	-	154.807.575	-	-	124.176.782	-	278.984.357
Chi phí khác	190.577	83.455.453	-	-	23.238.386	-	106.884.416
Lợi nhuận trước thuế	1.254.246.314	(4.159.592.029)	-	(11.980.637)	54.230.671.697	54.378.152.282	105.691.497.627
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	12.520.828.881	-	12.520.828.881
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(315.696.806)	-	-	136.351.090	(10.411.372)	(189.757.088)
Lợi nhuận sau thuế	1.254.246.314	(3.843.895.223)	-	(11.980.637)	41.573.491.726	54.388.563.654	93.360.425.834

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty tại tỉnh Tiền Giang.

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Các khoản vay	112.983.382.080	91.795.581.678
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(37.798.452.305)	(93.580.035.383)
Nợ thuần	75.184.929.775	(1.784.453.705)
Vốn chủ sở hữu	352.771.764.264	327.101.402.980
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	21%	-1%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>31/12/2018</u>		<u>31/12/2017</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.798.452.305	37.798.452.305	93.580.035.383	93.580.035.383
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	26.592.416.913	26.592.416.913	59.103.118.187	59.103.118.187
Phải thu của khách hàng	70.461.705.426	70.461.705.426	75.106.656.491	75.106.656.491
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	2.125.217.631	2.125.217.631	3.052.783.288	3.052.783.288
Phải thu về cho vay	18.000.000.000	18.000.000.000	16.918.431.393	16.918.431.393
Phải thu khác	123.410.883.374	123.410.883.374	111.727.012.754	111.727.012.754
Cộng	278.388.675.649	278.388.675.649	359.488.037.496	359.488.037.496

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	90.390.618.872	90.390.618.872	70.538.121.614	70.538.121.614
Chi phí phải trả	27.470.618.055	27.470.618.055	46.559.459.017	46.559.459.017
Phải trả khác	1.968.312.741	1.968.312.741	12.596.695.735	12.596.695.735
Các khoản vay	112.983.382.080	112.983.382.080	91.795.581.678	91.795.581.678
Cộng	232.812.931.748	232.812.931.748	221.489.858.044	221.489.858.044

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính riêng, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, phải thu về các khoản cho vay và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay, hoạt động đầu tư hợp tác

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

kinh doanh và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có ảnh hưởng của rủi ro lãi suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Tài sản tài chính	73.738.387.067	144.848.945.566
Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	55.738.387.067	127.930.514.173
Phải thu về cho vay	18.000.000.000	16.918.431.393
Nợ phải trả tài chính	112.983.382.080	91.795.581.678
Các khoản vay	112.983.382.080	91.795.581.678
Tài sản (nợ phải trả) tài chính thuần	<u>(39.244.995.013)</u>	<u>53.053.363.888</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm sẽ giảm/tăng tương ứng là 392.449.950 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: lợi nhuận trước thuế của Công ty tăng/giảm tương ứng là 530.533.639 VND).

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa (vật liệu xây dựng) và bất động sản sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Quản lý về rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa (vật liệu xây dựng). Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro về giá bất động sản

Hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty chủ yếu là đầu tư các dự án khu dân cư thuộc tỉnh Tiền Giang, nên phụ thuộc nhiều vào thị trường bất động sản. Trong năm, tình hình kinh doanh bất động sản tuy đã hoạt động sôi động và nhu cầu của nhà đầu tư cũng tăng theo, tuy nhiên hiện tại thị trường có nhiều dự án bất động sản, nhà đầu tư đã thận trọng hơn trong việc lựa chọn, thẩm định các dự án,.... do đó một số dự án bất động sản của Công ty vẫn còn tồn tại ngày kết thúc kỳ kế toán với tổng giá trị 112.323.371.393 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 68.196.553.807 VND), trong đó dự án Khu Dân cư Nguyễn Trãi đang trong giai đoạn đền bù giải tỏa với giá trị 99.602.289.548 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 33.957.743.916 VND).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khác và các khoản cho vay).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu trả trước, trả tiền ngay hoặc thanh toán theo tiến độ thực hiện hợp đồng và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập Báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

hạn, khó đòi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản phải thu khác và các khoản cho vay

Các khoản phải thu khác phần lớn đều là lợi nhuận phải thu từ công ty con và đối tượng cho vay chủ yếu là công ty con, cho nên không có rủi ro đáng kể.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2018				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.798.452.305	-	-	37.798.452.305
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	19.576.447.726	7.015.969.187	-	26.592.416.913
Phải thu của khách hàng	70.461.705.426	-	-	70.461.705.426
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	2.125.217.631	-	-	2.125.217.631
Phải thu về cho vay	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000
Phải thu khác	12.706.814.517	110.704.068.857	-	123.410.883.374
Cộng	160.668.637.605	117.720.038.044	-	278.388.675.649
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	90.390.618.872	-	-	90.390.618.872

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Chi phí phải trả	27.470.618.055	-	-	27.470.618.055
Phải trả khác	1.390.572.741	493.740.000	84.000.000	1.968.312.741
Các khoản vay	72.464.868.000	38.127.092.080	2.391.422.000	112.983.382.080
Cộng	191.716.677.668	38.620.832.080	2.475.422.000	232.812.931.748
Chênh lệch thanh khoản thuần	(31.048.040.063)	79.099.205.964	(2.475.422.000)	45.575.743.901
31/12/2017				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	93.580.035.383	-	-	93.580.035.383
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	36.462.563.187	22.640.555.000	-	59.103.118.187
Phải thu của khách hàng	75.106.656.491	-	-	75.106.656.491
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	3.052.783.288	-	-	3.052.783.288
Phải thu về cho vay	-	16.918.431.393	-	16.918.431.393
Phải thu khác	15.543.853.113	96.183.159.641	-	111.727.012.754
Cộng	223.745.891.462	135.742.146.034	-	359.488.037.496
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	70.538.121.614	-	-	70.538.121.614
Chi phí phải trả	46.559.459.017	-	-	46.559.459.017
Phải trả khác	12.371.695.735	141.000.000	84.000.000	12.596.695.735
Các khoản vay	49.758.818.678	42.036.763.000	-	91.795.581.678
Cộng	179.228.095.044	42.177.763.000	84.000.000	221.489.858.044
Chênh lệch thanh khoản thuần	44.517.796.418	93.564.383.034	(84.000.000)	137.998.179.452

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

5. Số liệu so sánh

Một số số liệu của Báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm này.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT Ngày 14 tháng 3 năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định thành lập công ty con với tên gọi là “Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước” do Công ty chủ sở hữu 100% vốn điều lệ là 60.000.000.000 VND. Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước được thành lập theo Phương án tách Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty con do Công ty chủ sở hữu 100% vốn điều lệ có vốn điều lệ hiện tại là 100.000.000.000 VND).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Hoạt động sản xuất, kinh doanh chủ yếu của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước là sản xuất, kinh doanh bê tông. Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1201602574 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 21 tháng 3 năm 2019.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Tiền Giang, ngày 27 tháng 3 năm 2019



TRẦN HOÀNG HUÂN
Tổng Giám đốc

LÊ MỸ PHƯỢNG
Kế toán trưởng

TỪ THỊ VIỆT
Người lập biểu

